

BÁO CÁO

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về
giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Thực hiện Công văn số 1085/UBVHGDĐTN 13 ngày 19/3/2014 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng về chuẩn bị báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục mầm non (GDMN), Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm chỉ đạo công tác GDMN. Điều đó thể hiện trong các Nghị quyết của Trung ương và được cụ thể hóa bằng đường lối, chính sách của Nhà nước và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ GD&ĐT; các văn bản chỉ đạo đồng bộ, hợp lý, kịp thời giải quyết các khó khăn của GDMN như: Chỉ thị số 10 –CT/TW của Bộ chính trị, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách phát triển GDMN; Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 149/2006/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về đề án phát triển GDMN giai đoạn 2006 – 2015; Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015; Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các hướng dẫn liên Bộ và hướng dẫn thực hiện của Bộ GD&ĐT phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho GDMN ngày càng được phát triển bền vững.

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Bình Định đã quan tâm bám sát, chỉ đạo sâu sát công tác phát triển, ổn định GDMN trên địa bàn tỉnh và kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định và công văn chỉ đạo: Nghị quyết 27/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 2 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập, công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính; Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 3 về Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính; Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh về Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015; Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về việc điều chỉnh, bổ sung một

số nội dung của Đề án chuyển đổi trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính; Công văn số 1044/UBND-VX ngày 06/4/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai, thực hiện Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo...

II. Đánh giá việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về GDMN

Mặc dù trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn nhưng GDMN của tỉnh vẫn được duy trì, củng cố và phát triển. Cụ thể:

1. Về quy mô GDMN

Các loại hình trường, lớp mầm non được phát triển theo hướng đa dạng hóa với quy mô khác nhau, phát triển đều khắp các địa bàn trong tỉnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của các bậc cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Tổng số trường mầm non 194 trường và 62 cơ sở tư thực. Trong đó, công lập 158 trường, dân lập 02 trường, bán công 18 trường, tư thực 16 trường.

lệ huy động trẻ mầm non đến trường: tổng số 54.852 trẻ, đạt lệ 49,0%. Trong đó, trẻ nhà trẻ: 5.085 trẻ, đạt lệ 11,2%, trẻ mẫu giáo 49.767 trẻ, đạt lệ 74,9%. Riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường: 24.347 trẻ, đạt lệ 100%; trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày 16.513 trẻ, đạt lệ 67,8%.

2. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Về việc triển khai Chương trình GDMN, đổi mới phương pháp GDMN:

- Địa phương đã chủ động lựa chọn, ưu tiên bố trí đủ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực dạy các lớp mẫu giáo 5 tuổi. Triển khai thực hiện đại trà Chương trình GDMN mới cho 100% lớp mầm non. Nhìn chung các trường mầm non thực hiện Chương trình GDMN mới đã từng bước đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo môi trường phong phú cho trẻ hoạt động tích cực.

- Về nội dung, phương pháp: GV lên lớp chủ động, thiết kế các hoạt động phù hợp với chủ đề, đặc điểm nhận thức của trẻ và thực tế địa phương. Linh hoạt trong việc tổ chức các hình thức cho trẻ thực hiện.

- Môi trường học tập: Có chú trọng đến việc trang trí tạo môi trường thẩm mỹ phù hợp theo chủ đề và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

- Đối với trẻ: Đa số trẻ tích cực hơn trong các hoạt động học tập, mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và vốn ngôn ngữ được phát triển tốt hơn.

b) Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ:

- Các phòng GD&ĐT đã chủ động hướng dẫn các trường phối kết hợp với cơ sở y tế thực hiện tốt việc khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, tổ chức triển khai tập huấn và tuyên truyền về phòng, chống bệnh “ tay, chân, miệng” tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt các cơ sở tổ chức bán trú.

- Số trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng 51.986/54.852 trẻ (tỷ lệ 94,8%). Bằng nhiều biện pháp tích cực trong việc chăm sóc trẻ (đặc biệt đối với trẻ

vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, nên kết quả tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm: thể nhẹ cân 9,8%, thể thấp còi 8,5%.

- Trẻ khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở GDMN đều được chăm sóc, theo dõi phát triển tốt. Có 114/287 trẻ khuyết tật học hòa nhập, tỷ lệ 39,7%.

c) Việc bảo đảm an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ tại các cơ sở GDMN:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đầy đủ các yêu cầu về qui chế nuôi dạy trẻ, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh dịch bệnh, tai nạn, thương tích, tuyệt đối đảm bảo an toàn cho trẻ khi đến trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra giám sát việc thực hiện bếp một chiều, qui trình về chế biến thực phẩm... Sử dụng phần mềm dinh dưỡng để cân đối khẩu phần đảm bảo chất lượng bữa ăn cho trẻ.

d) Về việc nâng cao số lượng, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo được chú trọng như: trẻ được cấp đầy đủ các chế độ hỗ trợ ăn trưa, tiền chi phí học tập và được miễn học phí; 100% trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số được học thêm chương trình chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1. Tỷ lệ huy động trẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến trường ngày càng cao, có 2.364/4.439 so với trẻ từ 0-5 tuổi, tỷ lệ 53,3%.

3. Công tác quản lý nhà nước về GDMN

a) Việc ban hành văn bản quản lý, xây dựng chiến lược, quy hoạch của ngành:

- Thực hiện việc ban hành các văn bản quản lý chỉ đạo nâng cao chất lượng GDMN; xây dựng chiến lược, chương trình hành động từ nay đến 2020 về các chính sách phát triển GDMN.

- Tích cực tham mưu với UBND các cấp tăng cường rà soát, quy hoạch mạng lưới, quy mô trường, lớp; dành diện tích xây dựng trường mầm non khi phê duyệt thành lập các khu dân cư mới, khu đô thị, khu công nghiệp; thúc đẩy tiến độ xây dựng các trường công lập ở những phường, xã chưa có trường mầm non; đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường công lập đang xuống cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp mầm non, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho các tổ chức, cá nhân thành lập trường mầm non ngoài công lập ở những nơi điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường quản lý chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong các trường mầm non ngoài công lập, thu hẹp khoảng cách về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ giữa trường mầm non công lập và ngoài công lập. Thực hiện công khai về tài chính, công khai công tác tuyển sinh, công khai về điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường, để người dân có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện của gia đình và giám sát được hoạt động của nhà trường.

- Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập: hạn chế tối đa các nhóm, lớp nuôi dạy trẻ không phép được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý

GDMN của tỉnh. Hiện nay chỉ còn 13 nhóm, lớp tư thực đang hoạt động chưa được cấp phép. Sở GD&ĐT chỉ đạo các phòng GD&ĐT có biện pháp kịp thời để kiểm tra các điều kiện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, nhưng số nhóm, lớp tư thực tự phát chắc chắn sẽ còn tăng hơn khi hệ thống các trường công lập chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu gửi con ngày càng cao của phụ huynh.

b) Về công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở GDMN: Sở GD&ĐT đã tổ chức tập huấn các nội dung đánh giá chất lượng giáo dục cho cán bộ quản lý theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hiện nay có 100% trường mầm non thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục, Sở đã thực hiện đánh giá ngoài được 09 trường, trong đó có 08 trường đạt cấp độ 2 và 01 trường không đạt.

c) Việc chuyển đổi loại hình trường trong hệ thống GDMN: Thực hiện Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính: toàn tỉnh chuyển 122 trường MN bán công, dân lập sang công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính. Trong đó có: 84 trường chuyển sang công lập; 25 trường chuyển sang công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính một phần và 13 trường chuyển sang công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính hoàn toàn; lộ trình chuyển trong 3 năm (từ 2012 đến 2014). Đến nay, đã có 104 trường có Quyết định chuyển đổi, còn lại 18 trường trong số 28 trường lộ trình chuyển trong năm 2014 đang hoàn tất thủ tục hồ sơ chuyển đổi.

d) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học tại các cơ sở GDMN: Đa số các trường MN được trang bị máy vi tính (có 500 máy vi tính/194 trường, trong đó máy dùng cho quản lý hành chính có 310 máy), cán bộ quản lý bước đầu thực hiện công tác quản lý hành chính bằng các phần mềm (quản lý sức khỏe trẻ, quản lý tài chính, quản lý nhân sự...). Riêng các trường MN có tổ chức bán trú thực hiện ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Số lượng giáo viên soạn giáo án vi tính đạt 79%, tăng so năm học trước 18%.

đ) Việc quản lý cơ sở GDMN ngoài công lập:

- Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất nhằm chấn chỉnh, góp ý để các cơ sở mầm non tư thực tổ chức thực hiện tốt các việc như: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng đội ngũ, xây dựng mức thu - chi lập hồ sơ đăng ký mở lớp, đặc biệt là khâu đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Đối với những trường, lớp mầm non tư thực đã có quyết định cho phép thành lập, Phòng GD&ĐT tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên môn theo định kỳ giúp cơ sở hoạt động đảm bảo về chuyên môn theo quy định của ngành.

- Giao cho Hiệu trưởng các trường mầm non công lập trên địa bàn thực hiện quản lý, giám sát về chuyên môn đối với các cơ sở tư thực và các nhóm, lớp mẫu giáo gia đình.

4. Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Các phòng GD&ĐT rà soát đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo đủ giáo viên/lớp; tiếp tục liên kết

với Đại học từ xa Hà Nội, Huế đào tạo trên chuẩn cho CBQL, GVMN; hiện nay đang học đại học, cao đẳng có 120 cán bộ, giáo viên mầm non;

- Đội ngũ giáo viên được đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn cao cụ thể: Trình độ đạt chuẩn trở lên 2.550/2.588 người, tỷ lệ: 98,5%, trong đó trên chuẩn 1.267 người, tỷ lệ 49,0%.

- Việc thực hiện chế độ chính sách: giáo viên các trường mầm non công lập được xét chuyển vào biên chế nhà nước và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Giáo viên các trường ngoài công lập (trường mầm non dân lập, tư thục) được hưởng lương theo hệ số đào tạo và được tham gia BHXH, BHYT; riêng giáo viên tại các cơ sở mầm non tư thục, lớp mẫu giáo và nhóm trẻ gia đình giáo viên hưởng lương theo thỏa thuận, chưa có các chế độ khác.

- Sở GD&ĐT thực hiện triển khai đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non năm thứ 3, nhìn chung các trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình theo quy định của Bộ GD&ĐT. Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2012-2013 tỷ lệ giáo viên được xếp loại khá trở lên chiếm 90,7%, cụ thể: 887/2.175 người xếp loại xuất sắc, tỷ lệ 40,8%; 1.085/2.175 người xếp loại khá, tỷ lệ 49,9% và 190/2.175 người xếp loại trung bình, tỷ lệ 8,7% và loại kém có 13/2.175 người, tỷ lệ 0,6%.

5. Về đầu tư tài chính và cơ sở vật chất

a) Về đầu tư tài chính

* Cơ cấu đầu tư từ ngân sách nhà nước cho GDMN hàng năm: ngân sách nhà nước chi cho GDMN tăng dần hàng năm như:

- Năm 2009 tỷ trọng chi từ 1,65% đến 14,7%.
- Năm 2010 tỷ trọng chi từ 1,78% đến 15,3%
- Năm 2011 tỷ trọng chi từ 1,82% đến 14,1%
- Năm 2012 tỷ trọng chi từ 2,73% đến 15,7%
- Năm 2013 tỷ trọng chi từ 4,53% đến 18,1%

* Cơ cấu chi, phương thức phân bổ ngân sách của các địa phương thực hiện đúng theo quy định của nhà nước (phân bổ thông qua dự toán chi từng năm cụ thể), đảm bảo 80% chi lương cho giáo viên theo hệ số và 20% chi thường xuyên.

* Công tác xã hội hoá GDMN đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh về GDMN; huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp uỷ, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, MTTQ và toàn dân cùng chăm lo cho GDMN. Tỉnh ta đã từng bước đa dạng hoá các loại hình trường lớp, khuyến khích, tạo điều kiện cho việc mở rộng trường MN tư thục. bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học không ngừng được củng cố, tăng cường. Hàng năm kinh phí đóng góp cho GDMN từ các nhà hảo tâm, của phụ huynh, cộng đồng chăm lo cho GDMN năm sau cao hơn năm trước như:

- Năm học 2009-2010: Cha mẹ trẻ đóng góp 5,9 tỷ đồng, các nguồn khác 6,4 tỷ đồng.

- Năm học 2010-2011: Cha mẹ trẻ đóng góp 16,3 tỷ đồng, các nguồn khác 11,8 tỷ đồng.

- Năm học 2011-2012: Cha mẹ trẻ đóng góp 35,2 tỷ đồng, các nguồn khác 3,5 tỷ đồng.

- Năm học 2012-2013: Cha mẹ trẻ đóng góp 13,4 tỷ đồng, các nguồn khác 15,4 tỷ đồng.

* Việc thực hiện quy định về tự chủ tài chính trong các cơ sở GDMN theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP: Hiện nay đa số các đơn vị đã thực hiện giao tự chủ tài chính cho các trường mầm non công lập, nhưng mới chỉ thực hiện tự chủ cho các trường mầm non của huyện, các trường còn lại đang tiến hành thực hiện trong năm 2014.

* Về đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo Nghị quyết 35/2009/QH12 được thực hiện đúng theo quy định và từng bước được đổi mới:

- 100% CB-GV được hưởng các chính sách ưu tiên về lương và phụ cấp cho đội ngũ nhà giáo; thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và giáo dục hòa nhập; đã thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với cán bộ quản lý và nhà giáo tại các trường MN công lập.

- Đổi mới về chính sách học phí cho phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư và đối tượng, cụ thể là giảm 50% học phí cho đối tượng là hộ cận nghèo; miễn giảm hoàn toàn cho trẻ ở vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo và trẻ dân tộc thiểu số.

* Chính sách ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai xây dựng trường học:

Việc chuyển đổi các trường MG, MN trên địa bàn tỉnh sang loại hình công lập và công lập tự chủ tài chính, thực hiện đảm bảo các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên cho các trường, ưu tiên đầu tư tài chính cho GDMN.

* Vấn đề quy hoạch đất để xây dựng trường lớp của địa phương: Thực hiện Quyết định số 4008/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành GD&ĐT tỉnh Bình Định đến năm 2020. Hiện nay, các phòng GD&ĐT đã chỉ đạo, tham mưu với địa phương để quy hoạch đất cho từng điểm trường, lớp; từng xã đã quy hoạch đất cho điểm trường chính để xây dựng trường bán trú và các điểm lẻ đảm bảo đủ quỹ đất theo quy định.

* Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tài chính đối với các cơ sở GDMN: Phòng Tài chính, phòng GD&ĐT thực hiện việc kiểm tra tài chính các trường MN hàng quý, 6 tháng, 1 năm theo quy định.

b) Về cơ sở vật chất

- Năm 2012 tỉnh tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các trường, lớp mầm non từ các nguồn vốn:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia GD&ĐT mua sắm trang thiết bị tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi: 16,015 tỷ đồng.

+ Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và Chương trình xây dựng nông thôn mới xây dựng mới 53 phòng học; Tu sửa nhỏ 25 phòng học; Xây mới 32 công trình vệ sinh với tổng kinh phí: 32,980 tỷ đồng.

+ 1.780 nhóm, lớp có phòng học riêng, trong đó có 39,1% phòng học kiên cố và 53,7% phòng học bán kiên cố, 44,6% phòng học đủ diện tích. Có 914 lớp đủ bộ thiết bị, đồ dùng - đồ chơi tối thiểu.

- Năm 2013:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia GD&ĐT mua sắm trang thiết bị tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi: 12,9 tỷ đồng.

+ Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và Chương trình xây dựng nông thôn mới và các nguồn tài trợ khác: xây dựng mới 58 phòng học; Xây mới 39 công trình vệ sinh, 20 bếp một chiều với tổng kinh phí: trên 40 tỷ đồng.

+ 1.763 nhóm, lớp có phòng học riêng, trong đó có 51,4% phòng học kiên cố và 44,2% phòng học bán kiên cố, 44,6% phòng học đủ diện tích. Có 1.128 lớp đủ bộ thiết bị, đồ dùng - đồ chơi tối thiểu, chiếm tỷ lệ 53,9%.

6. Về việc thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

a) Tiến độ phổ cập: Tính đến hết năm 2013 có 04/11 huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập. Toàn tỉnh có 115/159 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (tỷ lệ 72,3%); đã công nhận 93 xã, phường đạt phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi năm 2013 (đạt 58,5%). Theo tiến độ của Đề án huyện Tây Sơn và TX. An Nhơn không đạt năm 2013 chuyển sang công nhận năm 2014.

b) Những khó khăn bất cập:

- Việc điều tra, lập danh sách và theo dõi tình hình phổ cập gặp nhiều khó khăn do công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở một số địa phương chưa chặt chẽ, cụ thể, như: khai sinh cho trẻ chưa kịp thời, quản lý tạm vắng không đầy đủ thông tin... Mặt khác, tại địa bàn các xã bãi ngang ven biển, người dân sống chủ yếu bằng ngư nghiệp, thường xuyên di chuyển ngư trường hoặc đi làm ăn xa nên số lượng trẻ em từ 0-5 tuổi không ổn định.

- Tại các huyện miền núi, đặc biệt là tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, số hộ nghèo chiếm lệ cao; người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, trồng rừng và một bộ phận làm nghề khác như buôn bán nhỏ, đi làm thuê, khai thác lâm thổ sản... nên đời sống người dân còn rất nhiều khó khăn, hầu như không quan tâm đến việc chăm sóc, học tập của con em mình. Phần lớn trẻ em trong độ tuổi học mẫu giáo phải tự đi bộ đến lớp; việc ăn uống của trẻ không được quan tâm đúng mức nên số trẻ suy dinh dưỡng tại các địa bàn này chiếm tỷ lệ cao.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở mầm non còn thiếu nhiều. Một số trường mầm non, mẫu giáo chỉ có Hiệu trưởng và giáo viên đứng lớp; nhiều trường chưa có Phó Hiệu trưởng, văn thư, kế toán...nên đã ảnh hưởng nhất định đến tiến độ của công tác Phổ cập.

- Việc triển khai cho trẻ học 2 buổi/ngày có bán trú gặp nhiều khó khăn do thiếu giáo viên, cô nuôi, cơ sở vật chất (bếp, trang thiết bị...); hầu hết các điểm trường, lớp nằm rải rác ở các thôn, bản nên việc tổ chức bán trú cho trẻ rất khó khăn. Riêng đối với các trường tổ chức cho trẻ đi học 2 buổi/ngày nhưng không có bán trú thì ít được phụ huynh đồng tình ủng hộ vì hình thức học tập trên ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn đối với trẻ.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng học, công trình vệ sinh của các trường MN ở một số địa phương chưa được chú trọng, còn nhiều thiếu thốn do thiếu kinh phí. Vì tình trạng thiếu phòng học, phòng học hư hỏng nặng, xuống cấp nên có nơi phải tổ chức học 2 lớp/phòng, nhiều trường phải học nhờ nhà sinh hoạt cộng đồng, trường tiểu học, nhà dân ... Tiến độ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia chưa đạt yêu cầu (cả tỉnh đến nay mới có 22/194 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 11,3%).

c) Đánh giá một số điều kiện đảm bảo chất lượng phổ cập:

- Cán bộ quản lý, giáo viên:

+ Cán bộ quản lý: Hiệu trưởng có 181 người/194 trường (thiếu 13 Hiệu trưởng); Phó Hiệu trưởng có 113 người (thiếu 104 PHT). Một số trường chỉ có 01 phó Hiệu trưởng, không có Hiệu trưởng hoặc chỉ có Hiệu trưởng mà không có Phó Hiệu trưởng, như: Vĩnh Thạnh có 04 Hiệu trưởng, 5 PHT/10 trường (có 3 trường chưa có Ban giám hiệu: Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hòa), An Nhơn có 14 HT/17 trường, Tuy Phước 13 HT/15 trường, Phù Cát có 02 PHT/ 22 trường (còn 21 trường không có PHT), Vân Canh có 01 PHT/08 trường (còn 7 trường không có PHT).

+ Giáo viên: 2.414 người (thiếu 126 giáo viên); trong đó giáo viên dạy lớp MG 5 tuổi: 1.465 người, biên chế: 405, ngoài biên chế: 1.060, số giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định: 1.218 người (83,14%), tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,12.

Trình độ đào tạo đối với giáo viên dạy lớp 5 tuổi: Đạt chuẩn 1.445 người (tỷ lệ 98,63%), trong đó trên chuẩn 683 người (46,62%).

- Đầu tư tài chính:

Tổng chi cho giáo dục mầm non: 468.803.941.000 đồng; Trong đó:

+ Ngân sách thường xuyên: 368.476.904.000 đồng

+ Ngân sách đầu tư: 54.477.427.000 đồng

+ Ngân sách từ nguồn Chương trình mục tiêu, dự án: 38.088.761.000 đồng

+ Từ nguồn xã hội hóa: 7.760.849.000 đồng

Định mức chi thường xuyên cho trẻ 5 tuổi theo QĐ 239: 6.692.952.000 đồng

Chi đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng: 59.428.214.000 đồng

Mua thiết bị tối thiểu và thiết bị nội thất dùng chung: 19.629.491.000 đồng

Chi thực hiện chính sách cho trẻ em: 43.174.201.000 đồng

Chi thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non: 18.164.381.000 đồng

- Cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học hiện có: 1.119 phòng/1.309 lớp, có 492 phòng học kiên cố (tỷ lệ 44%) và 627 phòng bán kiên cố (tỷ lệ 56%); còn thiếu 190 phòng (hiện tại đang phải học tại mượn tạm phòng học, học nhờ nhà dân, trường tiểu học...). Các đơn vị còn thiếu nhiều phòng học như: Tuy Phước (13 phòng), Phù Mỹ (43 phòng), Phù Cát (33 phòng), An Nhơn (16 phòng), Tây Sơn (15 phòng), An Lão (16 phòng).

- Có 815/1.309 lớp có trang thiết bị tối thiểu, tỷ lệ 62.26% (thiếu 494 bộ thiết bị). Các đơn vị thiếu nhiều bộ thiết bị như: Phù Cát (122 bộ), Phù Mỹ (111 bộ), Tuy Phước (83 bộ), An Nhơn (82 bộ), Tây Sơn (46 bộ), Vĩnh Thạnh (29 bộ).

III. Đề xuất kiến nghị và giải pháp

1. Đề xuất, kiến nghị

- **Đối với Quốc hội:**

+ Bố trí đủ ngân sách đảm bảo cho tỉnh đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo lộ trình đăng ký.

+ Quan tâm đến chính sách, chế độ cho giáo viên mầm non, đặc biệt là giáo viên ngoài biên chế, giáo viên nghỉ việc nhưng chưa được tham gia đóng đủ Bảo hiểm xã hội.

- **Đối với Chính phủ và các Bộ ngành**

Ưu tiên vốn chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án khác của nhà nước, dự án viện trợ quốc tế, đặc biệt là Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2012-2015 cho GDMN để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

2. Giải pháp

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi dưới nhiều hình thức, đặc biệt là phương tiện phát thanh, truyền hình để nâng cao trách nhiệm các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng đối với việc thực hiện mục tiêu phổ cập. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; coi phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi là tiền đề để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, từ đó huy động các nguồn lực cho phổ cập.

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN, nhất là vùng cao, vùng khó khăn, đáp ứng yêu cầu huy động trẻ 5 tuổi và giữ vững số trẻ dưới 5 tuổi đến lớp. Tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ một số địa phương vùng khó khăn trong thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Ưu tiên quỹ đất đầu tư xây dựng trường mầm non. Xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng, công trình vệ sinh, đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang thiết bị khác đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, thực hiện các chế độ chính sách cho giáo viên mầm non.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, thực hiện các chính sách cho trẻ em vùng khó khăn. Tiếp tục triển khai thực hiện Bộ chuẩn phát

phát triển trẻ năm tuổi. Tăng số trẻ được học 2 buổi/ngày, tăng tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường mầm non.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, công nhận kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi cùng với kiểm tra công nhận kết quả PCGDTHĐĐT-CMC, PCGDTHCS, khuyến khích các địa phương phấn đấu về đích có chất lượng sớm hơn so với kế hoạch đã đề ra. Triển khai áp dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục - xóa mù chữ thống nhất trong toàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về GDMN trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
ĐÁP HỒ CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Ủy ban VH, GD, TN, Thiếu niên và Nhi đồng;
- CT, PCT VX;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K9 (05b).

He

Kim
Mai Thanh Thắng